



wú chù bù zài
无处不在

idiom · ubiquitous

Example Sentences

zài zhè ge chéng shì lǐ guǎng gào wú chù bù zài
在这个城市里，广告无处不在。

In this city, advertisements are ubiquitous.

wǎng luò yǐ jīng wú chù bù zài gǎi biàn le rén men de shēng huó
网络已经无处不在，改变了人们的生活。

The internet has become ubiquitous,
changing people's lives.

Trace each character, then write the word on your own.

无	无	无	无	无	无	无								
处	处	处	处	处	处	处	处							
不	不	不	不	不	不	不								
在	在	在	在	在	在	在	在	在						